

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2020/HSST
Ngày: 03/07/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú.

Ông Bùi Văn Mão.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Việt Cường, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 05 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Lê Tiến D**, (Tên gọi khác: Không); Giới tính: nam; Sinh năm 1976, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: số nhà 10, đường M, phố Đ, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị H; Vợ: Đinh Thị H; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Nhân thân bị cáo: Bản án số 04/2013/HSST ngày 23/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/4/2020 đến ngày 23/4/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Trần Mạnh T, (Vắng mặt).

2. Anh Đặng Quang H, (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 17/4/2020, D điều khiển xe mô tô hiệu Bosscity biển kiểm soát 15B2-306.65 đi từ nhà sang khu vực thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, D gặp và mua một người đàn ông không quen biết 400.000 đồng được 01 túi ma túy có đặc điểm là túi nilon màu trắng, có viền màu đỏ, kích thước khoảng (4x7) cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Biết là ma túy đá, D cho vào túi áo khoác bên trái đang mặc rồi điều khiển xe về thành phố N tìm nơi sử dụng. Đến khoảng 20 giờ 25 phút cùng ngày, khi D về đến khu vực đường T, phố T, phường T, thành phố N thì bị Tổ công tác 191, Công an thành phố N phát hiện D có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, Lê Tiến D đã tự giác lấy từ trong túi áo khoác bên trái đang mặc ra giao nộp cho Tổ công tác 01 túi nilon màu trắng có viền màu đỏ, kích thước khoảng (4x7) cm, bên trong có chất tinh thể màu trắng và khai nhận đây là ma túy đá D vừa mua tại khu vực xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định với giá 400.000 đồng để sử dụng. Tổ công tác tiến hành niêm phong túi ma túy theo quy định sau đó đưa D cùng tang vật về trụ sở công an phường T, thành phố N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ của Lê Tiến D 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Tiến D, 01 xe mô tô hiệu Bosscity biển kiểm soát 15B2-306.65.

Tiến hành cân xác định khối lượng chất tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Tiến D có khối lượng là 0,97 gam, ký hiệu M gửi giám định xác định loại ma túy, khối lượng ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 106/KLGD-PC09-MT ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,9644 gam là ma túy, loại Methamphetamine. (Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Hoàn trả lại 0,8478 gam chất dạng tinh thể màu trắng cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số 106/KLGD-PC09-MT ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình.

Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKS ngày 27/05/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Lê Tiến D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Tiến D đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; xử phạt Lê Tiến D từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2020.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Tịch thu tiêu hủy 0,8478 gam chất dạng tinh thể màu trắng cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu do cơ quan giám định hoàn trả lại.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong vật chứng; Kết luận giám định số 106/KLGD-PC09-MT ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hồi 20 giờ 25 phút ngày 17/4/2020, tại khu vực đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, Lê Tiến D có hành vi cất giữ trái phép 0,9644 gam Methamphetamine để sử dụng cho bản thân bị phát hiện, bắt quả tang. (Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II có STT 323; nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định danh mục chất ma túy).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy; Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự đồng thời biết rõ tác hại của ma túy và việc mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy bị nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, hành vi cất giữ trái phép 0,9644 gam là

chất ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng của bị cáo D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi gặp Tổ công tác 191 Công an thành phố N đang làm nhiệm vụ kiểm tra hành chính, bị cáo đã tự giác giao nộp 01 túi nilon màu trắng có viên màu đỏ, kích thước khoảng (4x7) cm, bên trong có chất tinh thể màu trắng và khai nhận đây là ma túy đá bị cáo vừa mua tại khu vực xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định với giá 400.000 đồng để sử dụng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích vụ lợi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với 0,8478 gam chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M là ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu do cơ quan giám định hoàn trả lại được niêm phong trong 02 phong bì là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định.

[4] Các vấn đề khác:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Bosscity biển kiểm soát 15B2 - 306.65 thu giữ của Lê Tiến D, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên đăng ký mang tên anh Nguyễn Quang M sinh năm 1980, trú tại thôn Sỏ, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng. Năm 2017, anh M đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người trên địa bàn thành phố Hải Phòng nhưng không nhớ tên tuổi địa chỉ của người này. Quá trình điều tra, Lê Tiến D khai năm 2017 D đã mua chiếc xe mô tô trên của một người tại thành phố N nhưng D không biết tên tuổi, địa chỉ của người này và không có giấy tờ mua bán, ngoài lời khai của D không có tài liệu nào khác. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe mô tô trên để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Về nguồn gốc gói Methamphetamine thu giữ của Lê Tiến D, Dũng khai mua của người đàn ông không quen biết tại khu vực xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, Dũng không biết tên tuổi địa chỉ của người này, do vậy không có cơ sở điều tra, làm rõ.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 BLHS; khoản 2 các điều 106, 135, 136 BLTTHS; các điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Tiến D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Lê Tiến D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2020.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong theo quy định.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/06/2020 giữa Cơ quan CSĐT công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Lê Tiến D phải chịu 200.000^d.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA. DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Trại tạm giam Ninh Bình;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Lưu (Hồ sơ, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

